

**TỔNG QUAN VỀ THỦ TỤC
ĐĂNG KÝ, QUY TRÌNH LÀM HỒ SƠ
HƯỞNG TRỢ CẤP BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP**

BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP (“**BHTN**”) không chỉ là một biện pháp hỗ trợ Người Lao Động (“**NLĐ**”) trong thời gian gặp khó khăn mà còn là công cụ quan trọng giúp đảm bảo an sinh xã hội. Để hưởng trợ cấp BHTN, NLĐ cần hiểu rõ quy trình đăng ký và hồ sơ cần thiết. Dưới đây là tổng quan về các bước thực hiện thủ tục, từ việc đăng ký đến quá trình chuẩn bị hồ sơ, nhằm hỗ trợ NLĐ tiếp cận các quyền lợi một cách thuận tiện và hiệu quả.

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ:

1. Luật Việc làm số 38/2013/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 16/11/2013 (“**Luật Việc làm 2013**”);
2. Nghị định 28/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12/03/2015 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN (“**Nghị định 28/2015/NĐ-CP**”);
3. Nghị định 61/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 29/05/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 28/2015/NĐ-CP (“**Nghị định 61/2020/NĐ-CP**”);
4. Thông tư 15/2023/TT-BLĐTBXH do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN (“**Thông tư 15/2023/TT-BLĐTBXH**”);
5. Quyết định 166/QĐ-BHXH do Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành ngày 31/01/2019 ban hành Quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, chi trả các chế độ BHXH, BHTN (“**Quyết định 166/QĐ-BHXH**”).

II. ĐỊNH NGHĨA, PHẠM VI ÁP DỤNG VÀ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG:

1. **BHTN**¹: là chế độ nhằm bù đắp một phần thu nhập của NLĐ khi bị mất việc làm, hỗ trợ NLĐ học nghề, duy trì việc làm, tìm việc làm trên cơ sở đóng vào Quỹ BHTN;
2. **Đối tượng bắt buộc tham gia BHTN**²: NLĐ phải tham gia BHTN khi làm việc theo Hợp Đồng Lao Động (“**HĐLĐ**”) hoặc hợp đồng làm việc (“**HĐLV**”) như sau:
 - 2.1. HĐLĐ hoặc HĐLV không xác định thời hạn;
 - 2.2. HĐLĐ hoặc HĐLV xác định thời hạn;
 - 2.3. HĐLĐ theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ ba (03) tháng đến dưới mười hai (12) tháng.

¹ Khoản 4 Điều 3 Luật Việc làm 2013

² Khoản 1 Điều 43 Luật Việc làm 2013

Lưu ý: Trong trường hợp NLD giao kết và đang thực hiện nhiều HĐLĐ thì NLD và người sử dụng lao động của HĐLĐ giao kết đầu tiên có trách nhiệm tham gia BHTN.

3. Điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp³:

NLD đang đóng BHTN được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi **có đủ** các điều kiện sau đây:

3.1. Đã chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV, trừ các trường hợp sau đây:

- (i) NLD đơn phương chấm dứt HĐLĐ, HĐLV trái pháp luật;
- (ii) Hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng.

3.2. Đã đóng BHTN từ đủ mười hai (12) tháng trở lên trong thời gian hai mươi bốn (24) tháng trước khi chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV có/không xác định thời hạn; hoặc đã đóng BHTN từ đủ mười hai (12) tháng trở lên trong thời gian ba mươi sáu (36) tháng trước khi chấm dứt HĐLĐ theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định.

3.3. Đã nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm;

3.4. Chưa tìm được việc làm sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nộp hồ sơ hưởng BHTN, trừ các trường hợp sau đây:

- (i) Thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an;
- (ii) Đi học tập có thời hạn từ đủ mười hai (12) tháng trở lên;
- (iii) Chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- (iv) Bị tạm giam; chấp hành hình phạt tù;
- (v) Ra nước ngoài định cư; đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng;
- (vi) Chết.

III. THỦ TỤC HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP:

1. Bước 1 – Nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp:

1.1 Thời hạn nộp⁴: Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV;

1.2 Thành phần hồ sơ⁵:

³ Điều 49 Luật Việc làm 2013

⁴ Khoản 1 Điều 17 Nghị định 28/2015/NĐ-CP

⁵ Điều 16 Nghị định 28/2015/NĐ-CP

- (i) Văn bản **Đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp** theo **Mẫu số 03** ban hành kèm theo **Thông tư 15/2023/TT-BLĐTBXH**;
- (ii) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của **một (01) trong các giấy tờ sau đây xác nhận về việc chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV⁶**:
- (a) HĐLĐ hoặc HĐLV đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo HĐLĐ;
 - (b) Quyết định thôi việc;
 - (c) Quyết định sa thải;
 - (d) Quyết định kỷ luật buộc thôi việc;
 - (e) Thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV;
 - (f) Xác nhận của người sử dụng lao động trong đó có nội dung cụ thể về thông tin của NLĐ; loại HĐLĐ đã ký; lý do, thời điểm chấm dứt HĐLĐ đối với NLĐ;
 - (g) Xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp hoặc hợp tác xã giải thể, phá sản hoặc quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh được bổ nhiệm trong trường hợp NLĐ là người quản lý doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã;
 - (h) Trường hợp NLĐ **không có các giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt HĐLĐ** do đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật và người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền thì thực hiện theo quy trình sau:
 - Sổ Lao động - Thương binh và Xã hội (Sau đây gọi là **“Sổ Nội vụ”**) hoặc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh gửi văn bản yêu cầu Sổ Kế hoạch và Đầu tư (Sau đây gọi là **“Sổ Tài chính”**) xác nhận đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền;
 - Sổ Tài chính có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan công an, chính quyền địa phương nơi đơn vị sử dụng lao động đặt trụ sở chính thực hiện xác minh nội dung đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền;
 - Sổ Tài chính gửi văn bản trả lời cho Sổ Nội vụ và Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh về nội dung đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xác nhận của Sổ Nội vụ hoặc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh;
 - (i) Trường hợp NLĐ tham gia BHTN khi làm việc theo HĐLĐ theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ ba (03) đến dưới mười hai (12) tháng (*theo*

⁶ Khoản 2 Điều 16 Nghị định 28/2015/NĐ-CP (sửa đổi bởi Khoản 6 Điều 1 Nghị định 61/2020/NĐ-CP)

quy định tại **Điểm c Khoản 1 Điều 43 Luật Việc làm 2013**) thì giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt HĐLĐ theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ ba (03) tháng đến dưới mười hai (12) tháng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của hợp đồng đó.

(iii) **Sổ bảo hiểm xã hội.** Theo đó:

- (a) NLĐ có thể yêu cầu tổ chức bảo hiểm xã hội thực hiện xác nhận về việc đóng BHTN và trả sổ bảo hiểm xã hội cho NLĐ trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người sử dụng lao động;
- (b) Đối với người sử dụng lao động là các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân thực hiện xác nhận về việc đóng BHTN và trả sổ bảo hiểm xã hội cho NLĐ kể từ ngày nhận được đề nghị của người sử dụng lao động.

1.3 Số lượng⁷: Một (01) bộ;

1.4 Phương thức nộp⁸: Trực tiếp **hoặc** trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (**hoặc** qua đường bưu điện **hoặc** ủy quyền cho người khác nộp nếu thuộc các trường hợp tại **Mục IV**);

1.5 Cơ quan nộp⁹: Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm tại địa phương nơi NLĐ muốn nhận trợ cấp thất nghiệp.

Lưu ý¹⁰: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp nếu NLĐ **không có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp** thì NLĐ phải **trực tiếp hoặc ủy quyền** cho người khác **nộp đề nghị không hưởng trợ cấp thất nghiệp** cho Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm nơi NLĐ đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp.

2. Bước 2 – Nhận kết quả:

2.1. Đối với phiếu hẹn trả kết quả¹¹: Sau khi NLĐ nộp hồ sơ trực tiếp cho Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm, NLĐ nhận lại phiếu hẹn trả kết quả (nếu hồ sơ hợp lệ);

2.2. Đối với Quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp¹²: Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm nhận đủ hồ sơ, NLĐ trực tiếp nhận quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp; trường hợp không đủ điều kiện để hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp thì phải trả lời bằng văn bản cho NLĐ.

⁷ Khoản 1 Điều 17 Nghị định 28/2015/NĐ-CP

⁸ Khoản 3 Điều 17 Nghị định 28/2015/NĐ-CP

⁹ Khoản 1 Điều 17 Nghị định 28/2015/NĐ-CP

¹⁰ Khoản 4 Điều 17 Nghị định 28/2015/NĐ-CP (bổ sung bởi Khoản 7 Điều 1 Nghị định 61/2020/NĐ-CP)

¹¹ Khoản 3 Điều 17 Nghị định 28/2015/NĐ-CP

¹² Khoản 2, 3 Điều 46 Luật Việc làm 2013

2.3. Đối với việc nhận chi trả trợ cấp thất nghiệp¹³:

- (i) **Tháng đầu tiên:** Tổ chức bảo hiểm xã hội thực hiện việc chi trả trợ cấp thất nghiệp tháng đầu tiên cho NLĐ trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp;
- (ii) **Từ tháng thứ hai (02) trở đi:** Tổ chức bảo hiểm xã hội thực hiện chi trả trợ cấp thất nghiệp cho NLĐ từ tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp thứ 2 trở đi trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, tính từ thời điểm ngày thứ bảy (07) của tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp đó nếu không nhận được quyết định tạm dừng hoặc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với NLĐ. Trường hợp thời điểm ngày thứ bảy (07) nêu trên là ngày nghỉ thì thời hạn chi trả trợ cấp thất nghiệp được tính từ ngày làm việc tiếp theo.

Lưu ý¹⁴:

- Trong ba (03) ngày làm việc được ghi trên phiếu hẹn trả kết quả, nếu NLĐ **không đến nhận quyết định** về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp **hoặc không ủy quyền cho người khác đến nhận quyết định và không thông báo** cho Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm về lý do không thể đến nhận thì được coi là **không có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp**;
- Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ ngày NLĐ hết hạn nhận quyết định theo phiếu hẹn trả kết quả, Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm trình Giám đốc Sở Nội vụ ban hành **quyết định về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp** của NLĐ. Quyết định về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp được Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm gửi: Một (01) bản đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh để không chi trả trợ cấp thất nghiệp cho NLĐ; Một (01) bản đến NLĐ.

IV. NGHĨA VỤ CỦA NLĐ TRONG THỜI GIAN HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP:

1. Trực tiếp thông báo về việc tìm kiếm việc làm:

Trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng, NLĐ phải **trực tiếp thông báo** với Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp về việc tìm kiếm việc làm¹⁵.

2. Không phải trực tiếp thông báo về việc tìm kiếm việc làm:

2.1. Các trường hợp:

NLĐ đang hưởng trợ cấp thất nghiệp **không phải trực tiếp thông báo hằng tháng** về việc tìm kiếm việc làm nếu thời gian thông báo về việc tìm kiếm việc làm nằm trong khoảng thời gian mà NLĐ thuộc một (01) trong các trường hợp sau¹⁶:

- (i) Nam từ đủ 60 tuổi trở lên, nữ từ đủ 55 tuổi trở lên;

¹³ Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định 28/2015/NĐ-CP

¹⁴ Khoản 3 Điều 18 Nghị định 28/2015/NĐ-CP (sửa đổi bởi Khoản 8 Điều 1 Nghị định 61/2020/NĐ-CP)

¹⁵ Khoản 1 Điều 52 Luật Việc làm 2013

¹⁶ Khoản 3 Điều 10 Thông tư 28/2015/TT-BLĐTBXH (sửa đổi bởi Khoản 5 Điều 1 Thông tư 15/2023/TT-BLĐTBXH)

- (ii) Ốm đau có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền;
- (iii) Nghỉ hưởng chế độ thai sản có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền. Riêng đối với trường hợp nam giới có vợ chết sau khi sinh con mà phải trực tiếp nuôi dưỡng con thì giấy tờ xác nhận là giấy khai sinh của con và giấy chứng tử của mẹ;
- (iv) Bị tai nạn có xác nhận của cảnh sát giao thông hoặc cơ sở y tế có thẩm quyền;
- (v) Bị hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch họa, dịch bệnh có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- (vi) Cha, mẹ, vợ/chồng, con của NLĐ chết; NLĐ hoặc con của NLĐ kết hôn có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- (vii) Đang tham gia khóa học nghề theo quyết định của Giám đốc Sở Nội vụ và có xác nhận của cơ sở đào tạo nghề nghiệp;
- (viii) Thực hiện HĐLĐ xác định thời hạn dưới một (01) tháng;
- (ix) Đi cai nghiện tự nguyện có xác nhận của cơ sở cai nghiện hoặc xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- (x) Chuyển nơi hưởng trợ cấp theo quy định tại **Khoản 5 Điều 10 Thông tư 28/2015/TT-BLĐTBXH (sửa đổi bởi Khoản 5 Điều 1 Thông tư 15/2023/TT-BLĐTBXH)**.

2.2. Thủ tục thực hiện¹⁷:

- (i) **Thời hạn thực hiện:** Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày NLĐ thuộc một (01) trong các trường hợp không phải trực tiếp thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm, NLĐ phải nêu rõ lý do không phải trực tiếp đến thông báo thông qua điện thoại, thư điện tử, fax, ...;
- (ii) **Thành phần hồ sơ:**
 - (a) Giấy đề nghị không thực hiện thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm (**Mẫu số 17 ban hành kèm theo Thông tư 28/2015/TT-BLĐTBXH**);
 - (b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực một (01) trong các giấy tờ chứng minh NLĐ thuộc một (01) trong các trường hợp không phải trực tiếp thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm.
- (iii) **Cách thức nộp:** Gửi thư bảo đảm hoặc ủy quyền cho người khác nộp;
- (iv) **Cơ quan nộp:** Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm nơi NLĐ đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Lưu ý: Nam từ đủ 60 tuổi trở lên, nữ từ đủ 55 tuổi trở lên sẽ **không phải** thông tin cho Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm (thông qua điện thoại, thư điện tử, fax, ...) về lý do không phải trực tiếp

¹⁷ Điều 10 Thông tư 28/2015/TT-BLĐTBXH (sửa đổi bởi Khoản 5 Điều 1 Thông tư 15/2023/TT-BLĐTBXH)

đến thông báo cũng như gửi thư bảo đảm hoặc ủy quyền cho người khác nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp không phải thông báo trực tiếp đến Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.

3. Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp khi không thông báo tìm kiếm việc làm:

Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ ngày NLĐ không đến thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định, Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm nơi NLĐ đang hưởng trợ cấp thất nghiệp trình Giám đốc Sở Nội vụ quyết định về việc tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp của NLĐ và Quyết định này sẽ được gửi một (01) bản đến Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh để thực hiện tạm dừng chi trả trợ cấp thất nghiệp đối với NLĐ; một (01) bản đến NLĐ¹⁸.

V. ĐIỀU KIỆN NỘP HỒ SƠ HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP QUA ĐƯỜNG BƯU ĐIỆN VÀ ỦY QUYỀN THỰC HIỆN THỦ TỤC HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP¹⁹:

NLĐ được ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp hoặc gửi hồ sơ theo đường bưu điện **nếu thuộc một (01) trong các trường hợp sau:**

- (i) Ốm đau, thai sản có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền;
- (ii) Bị tai nạn có xác nhận của cảnh sát giao thông hoặc cơ sở y tế có thẩm quyền;
- (iii) Hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch họa, dịch bệnh có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Lưu ý:

- Khi ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ, ngoài Thành phần hồ sơ được đề cập tại **Mục III.1.2** bên trên, NLĐ cần bổ sung thêm các văn bản sau:
 - (i) Giấy ủy quyền theo **Mẫu 13-HSB** ban hành kèm theo **Quyết định 166/QĐ-BHXH**;
 - (ii) Giấy tờ chứng minh người lao động thuộc trường hợp được ủy quyền nộp hồ sơ/nộp hồ sơ qua đường bưu điện hưởng bảo hiểm thất nghiệp.
- Ngày nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trong các trường hợp nêu trên là ngày người được ủy quyền trực tiếp nộp hồ sơ hoặc ngày ghi trên dấu bưu điện đối với trường hợp gửi theo đường bưu điện;
- Nếu NLĐ nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm sẽ gửi phiếu hẹn trả kết quả qua đường bưu điện²⁰.

Văn bản này thuộc tài sản của FUJILAW, bất cứ sự sao chép nào không được phép của FUJILAW là xâm phạm đến lợi ích và vi phạm quyền sở hữu của FUJILAW./.

¹⁸ Khoản 2 Điều 19 Nghị định 28/2015/NĐ-CP

¹⁹ Khoản 2 Điều 17 Nghị định 28/2015/NĐ-CP

²⁰ Khoản 3 Điều 17 Nghị định 28/2015/NĐ-CP